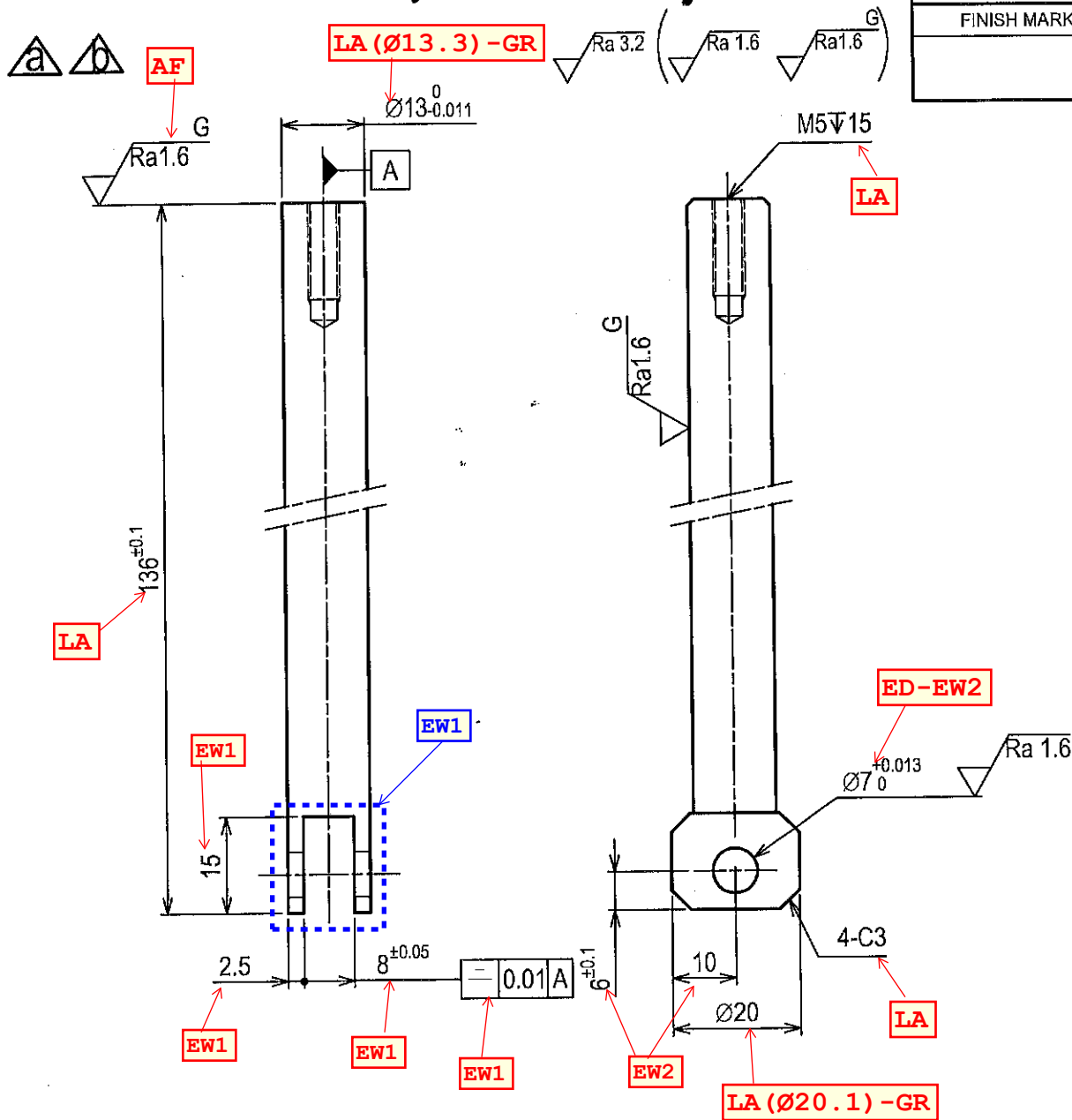


REV.	DATE	DESCRIPTION	REF.No.	DWN.	DSGND.	CHKD.	CUTTING TOLERANCE
init.							0.5 ≤, ≤ 6 ± 0.1
a	2021/8/12	windchill版本修正				Ho Shou Hsuan	6 <, ≤ 30 ± 0.2
b	2021/8/12	windchill版本修正				Ho Shou Hsuan	30 <, ≤ 120 ± 0.3
							120 <, ≤ 400 ± 0.5
							TOLERANCES NOT OTHERWISE SPECIFIED APPLIES JIS B 0405-m, JIS B 0419-k
							FINISH MARKS



CHKD.	MATERIAL	SCALE	TITLE	PARTS NAME
CHEN_YING_FUH	SKS3	1:1	部品図 PART DRAWING	プッシュシャフト PUSH SHAFT
DSGND.	SURFACE	SCALE	部品図 部品圖	推進軸 推進軸
Hsu_Chih_Tsung	SOB	1:1	DATE	DWG.No.
DWN.	QUENCH&TEMPER	SIZE	2020/03/04	S079062
Hsu_Chih_Tsung	HRC 50 ~ 55	A4V		

SNO: **S079062**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
1.VẬT LIỆU: SKS3 Ø22*141	LA:40 HT:40 GR:60 EW1:90 ED:10 EW2:30 AF:10 KT